

QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ XÂY DỰNG THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG
Vùng huyện Tân Hồng gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng
nông thôn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày /01/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch các đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Hồng gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn huyện Tân Hồng, đảm bảo theo đúng đồ án đã phê duyệt.

3. Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng của Tỉnh, của huyện Tân Hồng quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và quy hoạch nông thôn trên địa bàn Huyện.

Điều 2. Nguyên tắc lập Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Hồng gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Hồng gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được lập trên cơ sở đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Hồng gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và tuân thủ theo Quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/6/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Chương II
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

Điều 3. Phạm vi, ranh giới

1. Phạm vi:

Toàn bộ ranh giới hành chính của huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp với tổng diện tích là 310,07 km², với 09 đơn vị hành chính bao gồm thị trấn Sa Rài và 08 xã (Tân Hộ Cơ, Thông Bình, Bình Phú, Tân Thành A, Tân Thành B, Tân Phước, Tân Công Chí, An Phước).

2. Ranh giới:

- Phía Bắc giáp với tỉnh Prey Veng, Vương quốc Campuchia.
- Phía Tây giáp với thành phố Hồng Ngự.
- Phía Nam giáp với huyện Tam Nông.
- Phía Đông giáp với huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

3. Quy mô dân số:

Dự báo dân số toàn vùng Huyện:

- Đến năm 2025 khoảng 122.626 người. Trong đó, dân số đô thị khoảng 24.383 người, dân số nông thôn khoảng 98.243 người.
- Đến năm 2030 khoảng 133.215 người. Trong đó, dân số đô thị khoảng 36.425 người, dân số nông thôn khoảng 96.790 người.
- Tầm nhìn đến năm 2050 khoảng 155.654 người. Trong đó, dân số đô thị khoảng 62.037 người, dân số nông thôn khoảng 93.617 người.

4. Dự báo nhu cầu sử dụng đất:

4.1. Dự báo nhu cầu đất xây dựng đô thị:

- Giai đoạn đến năm 2025: Khoảng trên 300 ha.
- Giai đoạn đến năm 2030: Khoảng trên 550 ha.
- Giai đoạn đến năm 2050: Khoảng trên 930 ha.

4.2. Dự báo đất xây dựng khu dân cư nông thôn:

- Giai đoạn đến năm 2025: Khoảng trên 1.175 ha.
- Giai đoạn đến năm 2030: Khoảng trên 1.200 ha.
- Giai đoạn đến năm 2050: Khoảng trên 1.195 ha.

Điều 4. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế:

1. Quy định đối với phân vùng phát triển kinh tế:

Trên cơ sở đặc điểm địa hình, địa thế, tài nguyên thiên nhiên, các cơ sở về hạ tầng kỹ thuật, các hành lang kinh tế đô thị và mối liên hệ vùng, vùng huyện Tân Hồng được phân thành 3 vùng phát triển kinh tế, cụ thể như sau:

- Vùng I: Vùng phát triển kinh tế biên giới phía Bắc bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Bình Phú, xã Tân Hộ Cơ, xã Thông Bình. Vùng thúc đẩy không

gian kinh tế biên giới, phát triển hành lang đô thị biên giới Dinh Bà, trở thành trục động lực quan trọng của Khu kinh tế cửa khẩu phía Bắc, tỉnh Đồng Tháp.

- Vùng II: Vùng phát triển kinh tế trung tâm bao gồm thị trấn Sa Rài và 03 xã (Tân Công Chí, Tân Thành A, Tân Thành B) là vùng trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế của Huyện. Hạt nhân phát triển của vùng II là đô thị Sa Rài với tính chất là trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế, đầu mối dịch vụ, trung tâm nông nghiệp, năng lượng tái tạo vùng biên giới của Huyện nói riêng và toàn Tỉnh nói chung.

- Vùng III: Vùng phát triển kinh tế sinh thái nông nghiệp phía Nam bao gồm toàn bộ địa giới hành chính 02 xã (An Phước và Tân Phước) với tính chất là vùng kinh tế nông nghiệp gắn với vùng Đồng Tháp Mười, sản xuất nông nghiệp khu vực biên giới ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ theo hướng hiện đại và bền vững, gắn với bảo vệ an ninh quốc phòng.

2. Quy định đối với phân vùng phát triển công nghiệp:

- Vùng 1: Vùng công nghiệp trong khu kinh tế cửa khẩu bao gồm thị trấn Sa Rài và 03 xã (Bình Phú, Tân Hộ Cơ, Thông Bình). Định hướng phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất kho ngoại quan gắn với giao thương đối ngoại Campuchia với trọng tâm là khu công nghiệp Dinh Bà.

- Vùng 2: Vùng công nghiệp ngoài khu kinh tế cửa khẩu bao gồm 05 xã (Tân Công Chí, Tân Thành A, Tân Thành B, An Phước, Tân Phước). Định hướng phát triển công nghiệp phụ trợ nông nghiệp, công nghiệp chế biến, thủy sản gắn với vùng nguyên liệu phía Nam kênh Tân Thành – Lò Gạch với trọng tâm là cụm công nghiệp Tân Phước và cụm công nghiệp Tân Thành B.

3. Quy định đối với phân vùng chức năng gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới:

3.1. Phân vùng sản xuất nông nghiệp:

- Vùng nông nghiệp phía Bắc bao gồm thị trấn Sa Rài và 03 xã (Bình Phú, Tân Hộ Cơ, Thông Bình). Định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hoa màu, cây ăn trái, thủy sản, nông nghiệp điện kết hợp điện mặt trời.

- Vùng nông nghiệp phía Nam bao gồm 05 xã (Tân Công Chí, Tân Thành A, Tân Thành B, An Phước, Tân Phước) định hướng phát triển nông nghiệp chuyên canh lúa, cây ăn trái, thủy sản, hoa màu gắn với vùng Đồng Tháp Mười. Mở rộng diện tích vùng sản xuất tập trung và luân canh, xen canh; chuyên giao, nhân rộng mô hình sản xuất an toàn, sản xuất sạch, sản xuất hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ.

3.2. Vùng nuôi trồng thủy sản:

- Vùng nuôi cá Tra trong nội đồng với 2 tuyến kênh chính Hồng Ngự - Vĩnh Hưng và Tân Thành – Lò Gạch.

- Đến năm 2030 quy hoạch thành 06 vùng nuôi lớn: Vùng dọc kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng thuộc xã An Phước; vùng nuôi dọc kênh Tân Thành - Lò Gạch

và kênh Tân Công Chí thuộc xã Bình Phú; vùng nuôi dọc kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng, kênh Tân Thành - Lò Gạch, kênh Tân Công Chí và kênh Sa Rài thuộc xã Tân Công Chí; vùng dọc kênh Sa Rài thuộc xã Tân Thành B; vùng nuôi dọc kênh Tân Thành- Lò Gạch thuộc xã Tân Hộ Cơ và vùng nuôi dọc kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng thuộc xã Tân Phước.

3.3. Vùng chăn nuôi khác:

- Chủ yếu chăn nuôi bò tập trung ở 05 xã (Bình Phú, Tân Hộ Cơ, Thông Bình, Tân Công Chí, Tân Thành B). Phát triển thành ngành kinh tế chủ lực của Huyện, hình thành chuỗi giá trị ngành hàng để phát triển theo chiều sâu cho toàn Huyện nói riêng và cả tỉnh Đồng Tháp nói chung.

3.4. Định hướng phân bố các vùng du lịch, vùng cảnh quan, bảo tồn thiên nhiên:

- Phát triển du lịch: Hình thành các trung tâm, cụm, tuyến du lịch theo hành lang kinh tế Quốc tế, Quốc gia, kết nối các trung tâm du lịch trong vùng Tỉnh; chủ yếu theo đường bộ thông qua các tuyến Quốc lộ 30, đường N1 và đường Xuyên Á.

- Tổ chức phân bố các vùng du lịch: Lấy khu du lịch Bào Dong làm trọng điểm, phát triển không gian du lịch xung quanh. Liên kết với các điểm du lịch thuộc thành phố Hồng Ngự, Tam Nông, huyện Hồng Ngự hình thành tuyến tham quan, du lịch sông nước, du lịch sinh thái.

- Đa dạng các sản phẩm du lịch trên cơ sở tiềm năng địa phương, liên kết không gian du lịch và sản phẩm du lịch trong toàn vùng. Phát triển du lịch tham quan văn hóa lịch sử, làng nghề truyền thống và lễ hội; gắn với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững an ninh quốc phòng. Hợp tác kết nối các tuyến du lịch nội địa và Quốc tế.

Điều 5. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn:

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị:

- Đến năm 2025: Có 01 đô thị loại V hiện trạng là thị trấn Sa Rài và 01 đô thị loại V là thị trấn Tân Hộ Cơ.

- Đến năm 2030: Có 01 đô thị loại IV là thị trấn Sa Rài, 01 đô thị loại V là thị trấn Tân Hộ Cơ.

2. Quy định quản lý các xã nông thôn:

- Quy hoạch xây dựng xã theo mô hình nông thôn mới, để đảm bảo tiện nghi về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật. Hình thành các vùng chuyên canh cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp để phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn.

- Từng bước sắp xếp, tổ chức lại dân cư theo mô hình tập trung tại trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung hiện trạng. Di dân định cư phân tán rải rác trong nội đồng, trên các tuyến kênh rạch vùng sâu vào các điểm dân cư tập trung nhằm nâng cao chất lượng sống các cộng đồng dân cư nông thôn. Không phát

triển mới các điểm dân cư mới do dân cư nông thôn sẽ giảm dần do quá trình đô thị hóa.

- Quy hoạch, cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đặc biệt giao thông, cấp nước, cấp điện theo xu hướng tiếp cận nếp sống đô thị.

Điều 6. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng:

1. Quy định về các công trình hạ tầng xã hội:

- Công trình hành chính: Các trung tâm hành chính cấp huyện, thị trấn, xã cần tiếp tục duy trì hoạt động tại khu vực hiện tại; nâng cấp một số trụ sở UBND xã theo kế hoạch được phân bổ hàng năm; việc đầu tư xây dựng các công trình trụ sở cơ quan, khu trung tâm hành chính tập trung cần tuân thủ theo quy hoạch chung của từng khu vực cụ thể (quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung các xã).

- Công trình y tế: Xây dựng mạng lưới công trình y tế Huyện theo hướng hiện đại, hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế. Xây dựng trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn Quốc gia, từng bước cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế cấp xã.

- Công trình giáo dục: Xây dựng mạng lưới công trình giáo dục theo hướng đồng bộ, hiện đại, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học, đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển chất lượng dạy học theo tiêu chuẩn chung, nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển ngành giáo dục; các trường trung học phổ thông đảm bảo bán kính phục vụ được tính toán theo 3 cụm xã đảm bảo phục vụ cho quy mô dân số $\geq 20.000 - 35.000$ người (2 - 3 đơn vị xã/thị trấn).

- Công trình thương mại, dịch vụ: Duy trì hoạt động các chợ xã, thị trấn, có kế hoạch xây dựng, nâng cấp hệ thống chợ và các loại hình dịch vụ gắn với chợ, từng bước hình thành các khu vực tập kết, sơ chế, phân loại và bảo quản sản phẩm nông nghiệp. Phát triển các điểm kinh doanh dịch vụ quy mô vừa và nhỏ. Khai thác hợp lý và hiệu quả các khu du lịch; đồng thời, phát triển các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, bảo vệ cảnh quan môi trường.

- Công trình nhà ở: Phát triển hệ thống nhà ở đô thị, nông thôn đồng bộ, hiện đại phù hợp với Chương trình phát triển nhà tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2030 đã được UBND Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1409/QĐ-UBND-HC ngày 23/12/2022.

2. Quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật:

2.1. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

Chỉ giới xây dựng các tuyến đường trong khu đô thị và thị trấn Tân Hồng sẽ được quy định cụ thể trong các đồ án quy hoạch tuân theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

2.2. Giao thông:

a) Giao thông đường bộ:

- Giao thông liên vùng: Các tuyến cao tốc, Quốc lộ, Tỉnh lộ, Huyện lộ phải có tính kết nối liên vùng.

- Giao thông đô thị: Các trục chính đô thị có tính chất làm điểm nhấn đô thị, liên kết các phân khu chức năng. Việc lựa chọn vị trí xây dựng phải gắn kết với khu vực ưu tiên phát triển mang tính động lực.

- Giao thông nông thôn: Đảm bảo lộ giới và đặc tính kỹ thuật theo Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông và Vận tải về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

- Các tuyến giao thông đường bộ cụ thể như sau:

+ Cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh: Có điểm đầu tại Huyện lộ thống nhất điểm cuối tại Quốc Lộ 30, Quy hoạch 2026-2030, tiêu chuẩn đường cao tốc 4 làn xe.

+ Quốc lộ 30: Có điểm đầu Huyện lộ Thống nhất điểm cuối tại Huyện lộ tuần tra biên giới. Quy hoạch 2026 - 2030, tiêu chuẩn đường cấp III - IV, 2 - 4 làn xe.

+ Quốc lộ N1: Có điểm đầu từ Huyện lộ thống nhất điểm cuối tại ranh tỉnh Long An. Quy hoạch 2026 - 2030, tiêu chuẩn đường cấp III - IV, 2 - 4 làn xe.

+ Tuyến tránh Quốc lộ 30: Có điểm đầu từ Huyện lộ thống nhất điểm cuối tại Huyện lộ 30. Quy hoạch 2026 - 2030, tiêu chuẩn đường cấp III-IV, 2 - 4 làn xe.

+ Các tuyến Tỉnh lộ hiện hữu, quy hoạch nâng cấp gồm có ĐT.842, ĐT.843, ĐT.845, ĐT.843B, ĐT.855B quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp III - IV đồng bằng, 2 - 4 làn xe.

+ Các tuyến Huyện lộ hiện hữu, nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới: quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng trở lên.

+ Đường đô thị thực hiện theo quy hoạch các đô thị.

+ Đường giao thông nông thôn sẽ nâng cấp thành đường cấp V, cấp VI đồng bằng.

b) Giao thông đường thủy, cầu, cảng và bến thủy:

Quy định quản lý theo Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Ngoài ra, cần thường xuyên tiến hành khảo sát đánh giá mức độ bồi lắng để tiến hành nạo vét các tuyến sông, kênh đảm bảo kích thước luồng vận tải thủy đã công bố. Thanh thải chướng ngại vật và nâng tĩnh không các cầu ngang sông không đảm bảo.

Các tuyến kênh, sông do Trung ương và Tỉnh quản lý giữ nguyên theo quy hoạch vùng Tỉnh, lập kế hoạch thường xuyên nạo vét đảm bảo khả năng thông thuyền theo cấp kỹ thuật.

Quy hoạch các tuyến đường thủy do Huyện quản lý đạt tiêu chuẩn cấp VI-ĐTND, chiều rộng đáy >10m, chiều sâu nước >1,3m, bán kính cong tối thiểu 70m, tĩnh không cầu 2,5-3m.

Quy hoạch đảm bảo cho phép phương tiện thủy dưới 10 tấn lưu thông, tĩnh không cầu 2,5-3,0m.

c) Bến xe:

Quy định và quản lý theo Thông tư 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Bến xe khách Tân Hồng, quy hoạch cấp 4, giai đoạn trước 2025.
- Bến xe khách Dinh Bà, quy hoạch cấp 4, giai đoạn trước 2025.
- Bến xe khách Long Sơn Ngọc, quy hoạch cấp 4, giai đoạn 2026-2030.
- Bến xe khách Tân Phước, quy hoạch cấp 6, giai đoạn trước 2025.

2.3. Quy định quản lý về cao độ nền xây dựng và thoát nước mặt:

- Cao độ nền xây dựng phải phù hợp với điều kiện tự nhiên và các quy hoạch xây dựng có liên quan, đảm bảo tránh bị ngập lụt do mưa, lũ, triều cường và tạo điều kiện thoát nước tốt cho các khu chức năng.

- Quy hoạch chiều cao xây dựng: Chọn cao độ xây dựng theo từng khu vực cụ thể của vùng.

- Cao độ xây dựng: Theo khu vực cụ thể của vùng, cao độ không chế xây dựng phải cao hơn mực nước lũ lớn nhất tối thiểu 0,5m.

- Cao độ san lấp chung cho thị trấn Sa Rài là +4.500, cao độ đỉnh đường là +5.000. Các khu vực còn lại của huyện Tân Hồng; cao độ san lấp +6.300, cao độ đỉnh đường + 6.500.

2.4. Quy định đối với hệ thống cấp nước:

- Khu vực đô thị: Xây dựng các nhà máy cấp nước mặt với công suất phù hợp để phục vụ nhu cầu sử dụng nước cho các đô thị và một phần khu vực nông thôn lân cận.

- Khu vực nông thôn: Tiếp tục sử dụng các công trình cấp nước theo chương trình nước sinh hoạt vệ sinh môi trường nông thôn của tỉnh đã triển khai. Sử dụng hỗn hợp nước ngầm, nước mặt và nước mưa; trong đó, ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt, thay thế dần nguồn nước ngầm.

- Khu vực công nghiệp: Xây dựng các nhà máy cấp nước mặt với công suất phù hợp để phục vụ cho từng khu, cụm công nghiệp.

- Nguồn nước khai thác phải đảm bảo theo “Tiêu chuẩn xây dựng TCXD 233:1999 Các chỉ tiêu lựa chọn nguồn nước mặt – nước ngầm phục vụ hệ thống cấp nước sinh hoạt”. Chất lượng nước sinh hoạt phải bảo đảm yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

2.5. Quy định đối với hệ thống thoát nước thải và bảo vệ môi trường:

- Công trình thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải, công trình đầu mối thoát nước thải phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, quy hoạch thoát nước được phê duyệt, theo hướng đồng bộ hiện đại. Nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT mới được xả ra môi trường.

- Giải pháp xử lý chất thải rắn:

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Tân Hồng được phân loại, thu gom, vận chuyển và đưa về Khu xử lý rác Đình bà, xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng để xử lý bằng biện pháp chôn lấp hợp vệ sinh.

+ Giai đoạn 2026-2030: Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung Bình Thạnh, thành phố Hồng Ngự kêu gọi xã hội hóa đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung công nghệ tiên tiến, hiện đại với công suất 400 tấn/ngày (ưu tiên công nghệ đốt rác phát điện), đảm bảo xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn của huyện, thành phố.

+ Các đô thị dự kiến phát triển bố trí các điểm trung chuyển rác theo quy hoạch ngành của Tỉnh đã được phê duyệt.

- Nghĩa trang: bố trí 03 nghĩa trang trên địa bàn huyện tại các xã Tân Thành B (2,25ha), xã Tân công Chí (nghĩa trang huyện, 7,36ha) và xã Bình Phú (1,52ha).

2.6. Quy định đối với hệ thống cấp điện:

- Phát triển hệ thống công trình cấp điện theo hướng đồng bộ đáp ứng yêu cầu điện sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn Huyện, phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV theo Quyết định số 2877/QĐ-BCT ngày 15/8/2018 của Bộ Công thương.

- Đầu tư xây dựng công trình cấp điện, hệ thống lưới điện 110kV và 22kV đáp ứng yêu cầu cung cấp điện an toàn, ổn định cho nhu cầu sử dụng điện trên toàn Huyện.

2.7. Quy định đối với hệ thống thông tin liên lạc:

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, phù hợp Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025 đã được UBND Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1095/QĐ-UBND-HC ngày 22/10/2015.

- Công trình đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông, cáp quang đến 100% xã, cụm xã. Phủ sóng 4G đến 100% khu dân cư. Ngầm hóa

hệ thống cáp thông tin liên lạc tại khu vực trung tâm đô thị, các khu đô thị mới và khu vực công trình công cộng đô thị. Từng bước hạ ngầm cáp thông tin liên lạc tại các khu đô thị hiện hữu.

Điều 7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường

1. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông:

1.1. Quy định quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị phải đảm bảo từ 16 -26%. Cụ thể tỷ lệ đối với các đô thị loại IV, loại V từ 16 – 18%.

Phát triển mạng lưới giao thông phải đa dạng các loại hình giao thông, chú trọng giao thông công cộng thân thiện môi trường.

1.2. Đối với đường bộ:

Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định trong Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-4:2016/BXD về các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông.

1.4. Đối với đường thủy:

Nội dung và phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa và hành lang bảo vệ luồng quy định trong Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014.

2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước:

2.1. Nguồn cấp nước cho huyện Tân Hồng là nguồn nước mặt, nguồn nước khai thác phải đảm bảo theo “Tiêu chuẩn xây dựng TCXD 233:1999 Các chỉ tiêu lựa chọn nguồn nước mặt – nước ngầm phục vụ hệ thống cấp nước sinh hoạt”. Chất lượng nước sinh hoạt phải bảo đảm yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

2.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-1:2016/BXD - Công trình cấp nước.

2.3. Quy định về vùng bảo vệ trạm cấp nước, nhà máy xử lý nước thải: Phải xây dựng tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi súc vật. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước tối thiểu là 0,5m và đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo QCVN 01:2021/BXD.

3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước:

3.1. Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa phù hợp với điều kiện địa hình của khu vực đảm bảo nguyên tắc tự chảy. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh nhỏ để thoát ra kênh, rạch. Trong các khu, cụm công nghiệp có nguy cơ phát thải các chất nguy hại, hệ thống thoát nước phải có bộ phận tách các thành phần nguy hại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của toàn khu vực quy hoạch.

3.2. Quản lý xây dựng hệ thống thoát nước mưa:

Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, hoàn chỉnh ở khu trung tâm và các khu vực xây dựng mới. Những khu vực đã có hệ thống thoát nước chung, không có khả năng cải tạo thành hệ thống thoát nước riêng sẽ xây dựng giếng tách, cống bao tại cuối các tuyến cống chính trước các miệng xả, đưa về trạm xử lý tập trung trước khi xả ra môi trường.

3.3. Đối với hệ thống thoát nước cải tạo:

Tùy theo tình hình thực tế tận dụng tối đa hiệu quả của các công trình hiện có. Quản lý vị trí đầu nối của dự án vào tuyến cống chính của đô thị. Nếu tuyến cống chính chưa xây dựng thì đơn vị cấp phép cần chỉ ra vị trí xả hoặc đầu nối tạm thời và chủ dự án phải nộp đủ số tiền cho đơn vị quản lý thoát nước đô thị để khi có tuyến cống chính đơn vị này sẽ xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

3.4. Mở rộng phạm vi phục vụ của các hệ thống thoát nước tiến tới đạt 100% đảm bảo thông thoáng các trục tiêu chính đi qua đô thị.

3.5. Quản lý chặt chẽ công tác xây dựng các công trình đầu môi: Trục kênh dẫn, cống qua kênh rạch, trạm bơm. Công suất các trạm bơm có thể phù hợp với từng giai đoạn.

3.6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-2:2016/BXD – Công trình thoát nước.

3.7. Hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi: Thực hiện theo Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001 về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Luật Đê điều năm 2006.

4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải:

4.1. Quản lý chất thải rắn tuân thủ theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất thải rắn và phế liệu.

4.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-9:2016/BXD – Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang:

5.1. Quản lý hệ thống nghĩa trang tuân thủ theo Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về việc xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.

5.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-10:2016/BXD – Công trình nghĩa trang.

6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện:

6.1. Tuân thủ theo Luật Điện lực năm 2004; Luật sửa đổi bổ sung nội dung của Luật Điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

6.2. Phát triển hệ thống cấp điện phải có khả năng đáp ứng nhu cầu dùng điện hiện tại và đảm bảo dự phòng phát triển cho tương lai, đặc biệt là quỹ đất xây dựng công trình điện; Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải được từng bước hạ ngầm.

6.3. Quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện tuân thủ theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực và an toàn điện.

6.4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-5/2016/BXD – Công trình cấp điện.

6.5. Công trình cấp điện đảm bảo đạt thông số kỹ thuật an toàn theo quy định tại Quyết định số 5131/QĐ-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công thương.

7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin liên lạc:

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin theo quy định tại QCVC 07-8:2016/BXD – Công trình Viễn thông và QCVN 33:2011/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

Điều 8. Quy định về bảo vệ môi trường:

1. Quy định về bảo vệ môi trường tuân thủ: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

2. Các dự án nằm trong danh mục Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, được triển khai trên địa bàn cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phải được cấp có thẩm quyền thẩm định.

3. Khu vực đô thị: Bảo vệ cảnh quan, cải thiện giao thông đô thị; cải tạo cảnh quan khu vực ven biển, kênh, rạch, giảm nhẹ tác động do thay đổi sử dụng đất, nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo việc làm, tái định cư, kiểm soát ô nhiễm môi trường đô thị và công nghiệp. Kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

4. Khu vực nông thôn: Hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, kiểm soát ô nhiễm, giảm nhẹ tác động do tái định cư, thay đổi sử dụng đất. Trong quá trình đề xuất các định hướng quy hoạch, đồ án đã thống nhất với các giải pháp bảo vệ môi trường nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường bức xúc hiện nay bằng các biện pháp kỹ thuật bảo vệ môi trường.

Điều 9. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng

1. Quy định chung: Thực hiện quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích theo Luật Di sản Văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa năm 2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa; Nghị định số 710/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử, văn hóa danh lam thắng cảnh.

2. Giữ gìn và tôn tạo các khu vực di sản thiên nhiên, di tích lịch sử, các công trình kiến trúc có giá trị, kêu gọi đầu tư xây dựng gắn với khai thác du lịch và quảng bá văn hóa, truyền thống địa phương.

3. Các di tích đã được xếp hạng, di tích chưa xếp hạng nhưng đã được đăng ký trong danh mục các di tích của tỉnh, phải được bảo vệ nguyên trạng. Khi tổ chức, cá nhân phát hiện di tích có dấu hiệu xuống cấp hoặc bị xâm hại, kịp thời thông báo cho đơn vị trực tiếp quản lý di tích hoặc UBND cấp xã, cấp huyện nơi có di tích đó.

4. Việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải đảm bảo nguyên tắc: Tuân thủ theo các quy định của Luật Di sản Văn hóa và các quy định liên quan, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực, phù hợp giữa bảo tồn và phát triển. Chỉ được tiến hành tu bổ và phục hồi di tích trong trường hợp cần thiết, đảm bảo giữ gìn tối đa yếu tố gốc cấu thành di tích, đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp về không gian kiến trúc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, môi trường cảnh quan. Sửa chữa, tu bổ, tôn tạo nhỏ hoặc bài trí, trưng bày, thay đổi, bổ sung hiện vật tại di tích không được làm ảnh hưởng yếu tố gốc cấu thành di tích và cảnh quan môi trường, không gian văn hóa của di tích và phải có sự hướng dẫn về chuyên môn.

5. Thực hiện nếp sống văn hóa tại các điểm di tích; các tập thể, cá nhân có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường, tạo cảnh quan môi trường di tích xanh - sạch - đẹp; đảm bảo an ninh trật tự tại di tích.

6. Đối với các di tích là cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo phải tuân thủ các quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định khác có liên quan.

7. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện công tác xã hội hóa trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Phân công quản lý thực hiện

1. UBND huyện Tân Hồng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành Tỉnh và UBND xã, thị trấn quản lý, triển khai thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, ngành Tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Tân Hồng phải thực hiện theo Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có đề xuất thay đổi thì phải báo cáo UBND huyện Tân Hồng và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định. Việc điều chỉnh bổ sung hoặc thay đổi nội dung Quy định này phải báo cáo UBND Tỉnh quyết định, trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật và đồ án quy hoạch xây dựng vùng đã được phê duyệt.

3. UBND huyện Tân Hồng, UBND xã, thị trấn có trách nhiệm giám sát việc phát triển đô thị, nông thôn theo đúng quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với UBND Tỉnh và Sở Xây dựng.

4. UBND huyện Tân Hồng căn cứ quy hoạch xây dựng vùng Tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng Huyện được phê duyệt để tổ chức lập và trình UBND Tỉnh phê duyệt các quy hoạch chung đô thị.

5. Các cơ quan, đơn vị liên quan các cấp có trách nhiệm công khai, công bố, lưu giữ hồ sơ quy hoạch, cung cấp thông tin liên quan đến quy hoạch khi có tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định.

Điều 11. Quy định về khen thưởng, xử phạt thi hành

1. Các tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch.

2. Thanh tra xây dựng, phối hợp các cơ quan có liên quan theo phân cấp quản lý có trách nhiệm kiểm tra các hoạt động xây dựng trên địa bàn do đơn vị quản lý và báo cáo kịp thời với cấp có thẩm quyền các hành vi liên quan đến các hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt. UBND các cấp ra quyết định xử phạt đối với các vi phạm trong phạm vi thẩm quyền.

3. Khuyến khích và có hình thức khen thưởng phù hợp đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc các hoạt động về quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch, phát hiện và tố giác kịp thời các hành vi cố ý làm trái quy hoạch.

Điều 12. Quy định này được ấn hành và lưu giữ cùng đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Hồng gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây

dựng nông thôn mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết và thực hiện:

- Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo.

- UBND huyện Tân Hồng;

- UBND xã, thị trấn huyện Tân Hồng.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND Tỉnh xử lý./.